

QUY CHẾ

TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 162/QĐ-VCN-KHĐT&HTQT ngày 25 tháng 3 năm 2020 của Viện trưởng Viện Chăn nuôi)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: tuyển sinh; tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo; tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan; luận án, đánh giá và bảo vệ luận án; thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với nghiên cứu sinh, giảng viên, người hướng dẫn và cán bộ quản lý của Viện Chăn nuôi thực hiện nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ ngành chăn nuôi.

Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do Viện Chăn nuôi (sau này gọi tắt là Viện) ban hành theo quy định hiện hành, đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khối lượng học tập tối thiểu 90 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp thạc sĩ và tối thiểu 120 tín chỉ đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học;

b) Chuẩn đầu ra bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ tiến sĩ phải đạt Bậc 8 của

Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

2. Kết cấu chương trình đào tạo gồm: các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ và luận án tiến sĩ.

3. Các học phần bổ sung nhằm hỗ trợ nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện đề tài nghiên cứu.

a) Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ: căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu, Thủ trưởng cơ sở đào tạo xác định số học phần và khối lượng tín chỉ nghiên cứu sinh cần phải học bổ sung. Riêng các nghiên cứu sinh đã đào tạo thạc sĩ ở nước ngoài, căn cứ kết quả bảng điểm các môn học, thường trực Hội đồng Khoa học - Đào tạo sẽ xem xét để tham mưu Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định môn học và khối lượng tín chỉ cần bổ sung.

b) Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành chăn nuôi, trù học phần ngoại ngữ và luận văn, có khối lượng kiến thức tối thiểu là 30 tín chỉ để đảm bảo nghiên cứu sinh đạt chuẩn đầu ra bậc 7 của Khung trình độ quốc gia và yêu cầu của lĩnh vực, đề tài nghiên cứu.

4. Các học phần ở trình độ tiến sĩ (bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn) nhằm nâng cao trình độ lý luận ngành, phương pháp nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu, trong đó:

a) Tiểu luận tổng quan yêu cầu nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu, từ đó rút ra mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

b) Các chuyên đề tiến sĩ yêu cầu nghiên cứu sinh nâng cao năng lực nghiên cứu và tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ;

c) Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 08 học phần ở trình độ tiến sĩ với khối lượng 20 tín chỉ, trong đó tiểu luận tổng quan (tương đương 03 tín chỉ) và 02 chuyên đề tiến sĩ (tương đương 04 tín chỉ) do Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định là những học phần bắt buộc. Nghiên cứu sinh phải hoàn thành thêm 03 học phần môn học bắt buộc (tương đương 09 tín chỉ); 02 học phần môn học tự chọn (tương đương 04 tín chỉ). Luận án tốt nghiệp tương đương 70 tín chỉ;

d) Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành chăn nuôi của Viện có danh mục các định hướng theo chủ đề của từng chuyên ngành và yêu cầu nội dung cần trình bày theo mỗi chủ đề nghiên cứu sinh lựa chọn tùy theo nội dung đề tài luận án của mình (xem danh mục định hướng theo chủ đề của từng chuyên ngành trong phần phụ lục). Trong trường hợp nghiên cứu sinh và thầy hướng dẫn đề xuất tên chuyên đề nằm ngoài danh mục thì do Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét quyết định.

5. Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành tối thiểu một hội thảo khoa học. Hội thảo khoa học là buổi sinh hoạt học thuật tại đơn vị chuyên môn, trong đó nghiên cứu sinh trình bày các kết quả nghiên cứu xoay quanh nội dung đề tài luận án của mình. Buổi sinh hoạt có sự tham gia của người hướng dẫn khoa học, các giảng viên, nhà khoa học cùng chuyên môn trong và ngoài Viện.

6. Cơ sở đào tạo được sử dụng chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 36 Luật giáo dục đại học.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 4. Phương thức và thời gian tuyển sinh

1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển.
2. Số lần tuyển sinh trong năm: 01 lần hoặc nhiều lần.
3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo căn cứ vào quy định của Quy chế này và các quy định liên quan chịu trách nhiệm xây dựng đề án tuyển sinh (theo mẫu quy định), đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về phương thức tuyển sinh, thời gian tổ chức tuyển sinh, các điều kiện đảm bảo chất lượng và những thông tin cần thiết khác.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ
2. Là tác giả 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.
3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:
 - a) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;
 - b) Bằng tốt nghiệp đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh; hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương (theo mẫu quy định) theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo.

5. Điều kiện về kinh nghiệm quản lý và thâm niên công tác tùy theo yêu cầu cụ thể, Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét quyết định.

Điều 6. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

a) Đơn xin dự tuyển.

b) Lý lịch khoa học.

c) Bản sao văn bằng, chứng chỉ có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp).

d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy chế này và thâm niên công tác (nếu có).

đ) Đề cương nghiên cứu.

e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

g) Công văn của cơ quan quản lý nhân sự cử đi dự tuyển nếu người dự tuyển là công chức, viên chức.

h) Các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu của cơ sở đào tạo.

Điều 7. Thông báo tuyển sinh

1. Thông báo tuyển sinh được niêm yết tại Viện, gửi đến các cơ quan đơn vị có liên quan, đăng trên trang web của Viện (vcn.org.vn) và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác trước khi tổ chức xét tuyển ít nhất 03 tháng, trong đó nêu rõ:

a) Điều kiện dự tuyển;

b) Danh mục ngành phù hợp được xét tuyển; danh sách người hướng dẫn đáp ứng quy định tại Điều 11 của Quy chế này;

c) Chỉ tiêu tuyển sinh;

d) Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này và thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển;

đ) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học;

e) Học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu sinh trong quá trình học tập (nếu có);

g) Các yêu cầu và thông tin cần thiết khác.

2. Nội dung thông báo tuyển sinh do Thủ trưởng cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với đề án tuyển sinh của cơ sở đào tạo.

Điều 8. Tổ chức tuyển sinh và công nhận nghiên cứu sinh

Trên cơ sở quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 34 Luật giáo dục đại học, Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định:

1. Hội đồng tuyển sinh

a) Thủ trưởng cơ sở đào tạo thành lập Hội đồng tuyển sinh hàng năm. Thành phần của Hội đồng tuyển sinh gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Thủ trưởng cơ sở đào tạo.
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Phó Thủ trưởng cơ sở đào tạo phụ trách công tác đào tạo.
- Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT.
- Các ủy viên: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, các trưởng hoặc phó các đơn vị chuyên môn trực thuộc Viện, các chuyên gia của các chuyên ngành có thí sinh đăng ký dự tuyển. Các ủy viên thuộc các đơn vị chuyên môn phải có học hàm Giáo sư, Phó giáo sư hoặc học vị Tiến sĩ.
- Các trường hợp khác sẽ do Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét quyết định.
- Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột) dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: thông báo tuyển sinh, tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và làm thủ tục đề nghị Thủ trưởng cơ sở đào tạo công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; báo cáo kịp thời kết quả tuyển sinh cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

- Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy chế này.

- Quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy chế này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có năng lực, có triển vọng nghiên cứu và có khả năng hoàn thành tốt đề tài luận án.

- Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban Thư ký và các Tiểu ban chuyên môn. Các ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

2. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

a) Thành phần của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do uỷ viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và 1 đến 2 uỷ viên.

b) Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

- Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển, thu lệ phí dự tuyển.

- Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh.

- Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp kết quả trình Hội đồng tuyển sinh xem xét.

- Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho các thí sinh dự tuyển.

c) Trách nhiệm của Trưởng Ban Thư ký

Chịu trách nhiệm trước chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

3. Tiểu ban chuyên môn

a) Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của thí sinh, trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT đề xuất các Tiểu ban chuyên môn và các thành viên xét tuyển nghiên cứu sinh trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định.

b) Mỗi Tiểu ban chuyên môn gồm ít nhất 05 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu sâu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là cán bộ trong và ngoài Viện. Tiểu ban có 1 Trưởng tiểu ban, thư ký và các thành viên. Trong tiểu ban chuyên môn có một người dự kiến là người hướng dẫn nếu thí sinh trúng tuyển nhưng không phải là trưởng tiểu ban.

c) Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm giúp Hội đồng tuyển sinh đánh giá hồ sơ, năng lực và đề cương nghiên cứu của thí sinh, xếp loại thí sinh dự tuyển theo thang điểm được quy định tại Quy chế này.

4. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

a) Quy trình xét tuyển: Đánh giá xét tuyển nghiên cứu sinh của Viện Chăn nuôi gồm 3 phần với thang điểm 100 trong đó:

- Đánh giá hồ sơ (40 điểm): Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển được thể hiện qua: kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ; chuyên ngành học thạc sĩ, trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn.

- Đánh giá đề cương dự định nghiên cứu (30 điểm)

- Bài luận (30 điểm)

Đề cương dự định nghiên cứu là sự cụ thể hoá ý tưởng, hướng nghiên cứu của bài luận về dự định nghiên cứu, các thành viên tiểu ban chuyên môn cần đặt câu hỏi hoặc thảo luận với ứng viên để tìm thấy tính mới của đề tài, phương pháp mà ứng viên tiếp cận với đề tài, đề tài phải thể hiện đúng với chuyên ngành khoa học mà Viện được giao, có bị trùng lặp với đề tài khác không? Các nội dung nghiên cứu cần thiết để đảm bảo dung lượng của luận án tiến sĩ và đáp ứng được mục tiêu của đề tài. Kết luận của tiểu ban là cơ sở bắt buộc để nghiên cứu sinh cần bổ sung, chỉnh sửa và tuân thủ trong suốt quá trình làm luận án.

b) Căn cứ vào các phiếu đánh giá điểm, thư ký tiểu ban tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên. Điểm của một thí sinh là tổng điểm của ba phần trên.

Kết quả đánh giá được chuyển về Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh để tổng hợp xếp loại. Dựa trên cơ sở ý kiến của tiểu ban xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh đề xuất Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét quyết định về hướng nghiên cứu, thầy hướng dẫn và đơn vị chuyên môn.

c) Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc cơ sở đào tạo phê duyệt cho từng chuyên ngành đào tạo và kết quả xếp loại các thí sinh từ cao xuống thấp. Các thí sinh trúng tuyển phải có tổng số điểm trung bình tối thiểu là 75 điểm. Ban thư ký lập danh sách các thí sinh trúng tuyển và trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo ký các Quyết định về công nhận NCS, giao đề tài, thầy hướng dẫn và đơn vị chuyên môn.

d) Căn cứ theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh, cơ sở đào tạo sẽ gửi giấy gọi nhập học đến các thí sinh trúng tuyển.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Điều 9. Tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo

1. Căn cứ quy định tại khoản 2, Điều 37 Luật giáo dục đại học, Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết việc tổ chức và quản lý đào tạo trình độ tiến sĩ đảm bảo tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định liên quan.

2. Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ

a) Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh) được thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 35 Luật giáo dục đại học và điểm d, khoản 4, Điều 2 Quyết định số 1981/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân và đảm bảo hoàn thành khối lượng học tập tối thiểu theo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy chế này;

b) Trong trường hợp đặc biệt, nghiên cứu sinh được rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định tại khoản 7 Điều này.

3. Việc tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

4. Việc tổ chức dạy và học các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ phải được triển khai tại cơ sở đào tạo, nơi nghiên cứu sinh đang theo học. Trong trường hợp cơ sở đào tạo không đào tạo chương trình có học phần cần bổ sung cho nghiên cứu sinh thì gửi nghiên cứu sinh theo học ở các cơ sở đào tạo khác đã được phép đào tạo chương trình có học phần này theo thỏa thuận giữa các cơ sở đào tạo.

5. Nghiên cứu khoa học là bắt buộc trong quá trình thực hiện luận án tiến sĩ, thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Những thay đổi trong quá trình đào tạo:

a) Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi nghiên cứu sinh, người hướng dẫn đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy chế này, trong thời gian quy định tại các điểm a, b và c, khoản 7 Điều này, cụ thể như sau:

- Việc thay đổi tên đề tài luận án, mà không thay đổi mục tiêu và nội dung nghiên cứu, thì căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở, Phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét quyết định điều chỉnh.

- Việc thay đổi mục tiêu, nội dung của đề tài luận án, thì phải thông qua Hội đồng chuyên môn thẩm định lại đề cương nghiên cứu. Căn cứ kết luận của Hội đồng chuyên môn, Phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét quyết định.

b) Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn được thực hiện chậm nhất trước 12 tháng tính đến ngày kết thúc khoá học theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có), trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Việc chuyển cơ sở đào tạo được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của nghiên cứu sinh còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của cơ sở đang đào tạo, Thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận nghiên cứu sinh của cơ sở đào tạo trước (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà nghiên cứu sinh cần bổ sung (nếu có) do Thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

d) Trường hợp nghiên cứu sinh quá hạn và còn trong thời gian được phép bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu được 3 nhà khoa học độc lập đánh giá vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học, được người hướng dẫn và Thủ trưởng cơ sở đào tạo đồng ý.

7. Hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

a) Nghiên cứu sinh được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp Viện thông qua trong thời gian quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này;

b) Trường hợp nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì trước khi hết hạn nghiên cứu sinh phải làm thủ tục xin gia hạn học tập (có ý kiến của người hướng dẫn khoa học và đơn vị chuyên môn quản lý nghiên cứu sinh), có công văn đề nghị gia hạn của đơn vị cử đi học. Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với điều kiện nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của Viện. Thời gian gia hạn tối đa không quá 24 tháng. Trong thời gian

này nghiên cứu sinh phải theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo. Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này) thì Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định cho nghiên cứu sinh thôi học. Kết quả học tập của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

c) Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét, quyết định cho phép nghiên cứu sinh được rút ngắn thời gian học tập nếu nghiên cứu sinh hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo theo quy định của quy chế này.

Chương IV

TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN CỦA CÁC CÁ NHÂN VÀ ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 10. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Tiêu chuẩn giảng viên:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với các học phần đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc đã và đang tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp bộ trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

2. Giảng viên thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học và các quy định liên quan.

Điều 11. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Tiêu chuẩn người hướng dẫn độc lập:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật giáo dục đại học;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; đối với người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư thì phải có tối thiểu 03 năm (36 tháng) làm công tác nghiên cứu khoa học hoặc giảng dạy kể từ khi có quyết định cấp bằng tiến sĩ;

c) Đã hoặc đang chủ trì các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên;

d) Là tác giả chính tối thiểu 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí thuộc danh mục các tạp chí của cơ sở dữ liệu ISI Thomson Reuters hoặc của cơ sở dữ liệu Scopus - Elsevier (sau đây gọi chung là danh mục các tạp chí ISI - Scopus) hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài phát hành; hoặc là tác giả chính của tối thiểu 02 báo cáo đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, hoặc 02 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

đ) Trường hợp chưa có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, ngoài việc phải đáp ứng quy định tại điểm d khoản này phải là tác giả chính của thêm 01 bài báo hoặc công trình khoa học đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI - Scopus;

e) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu và trao đổi khoa học quốc tế;

g) Người hướng dẫn độc lập phải là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo hoặc là nhà khoa học người nước ngoài, nhà khoa học Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với cơ sở đào tạo.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có tối đa 02 người hướng dẫn, trong đó:

a) Người hướng dẫn chính phải có đầy đủ các tiêu chuẩn qui định tại khoản 1 Điều này;

b) Người hướng dẫn phụ phải có các tiêu chuẩn tối thiểu qui định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

c) Ít nhất phải có một người là giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu của cơ sở đào tạo.

3. Nhiệm vụ và quyền của người hướng dẫn:

a) Thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật giáo dục đại học;

b) Tại cùng một thời điểm, người có chức danh giáo sư được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 05 nghiên cứu sinh; người có chức danh phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 04 nghiên cứu sinh; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập, đồng hướng dẫn tối đa 03 nghiên cứu sinh.

c) Không được hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn nghiên cứu sinh mới nếu trong vòng 06 năm (72 tháng) tính đến thời điểm được giao nhiệm vụ có 02 nghiên cứu sinh có luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua, bao gồm cả việc đánh giá lại luận án quy định tại Điều 22 của Quy chế này (nếu có);

d) Hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu khoa học

- Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- Xác định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các học phần môn học bổ sung, các chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh; đề xuất với đơn vị chuyên môn để trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định.

- Duyệt và giúp nghiên cứu sinh công bố các kết quả nghiên cứu.

- Đôn đốc nghiên cứu sinh chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo lịch trình của đơn vị chuyên môn.

d) Thông qua luận án của nghiên cứu sinh, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị đề luận án được đánh giá ở đơn vị chuyên môn và tại Hội đồng cấp viện nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 15 của Quy chế này;

e) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền của nghiên cứu sinh

1. Thực hiện quy định tại các Điều 60, 61 Luật giáo dục đại học.

2. Xây dựng kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học toàn khoá và từng học kỳ, được người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn thông qua.

3. Định kỳ báo cáo tiến độ, kết quả đạt được theo quy định của cơ sở đào tạo, 6 tháng 1 lần (tháng 6 và tháng 11 hàng năm), nghiên cứu sinh có trách nhiệm phải nộp cho phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT, người hướng dẫn và đơn vị chuyên môn báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, nghiên cứu của mình trong năm học mới để đơn vị chuyên môn xem xét đánh giá.

a) Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn; viết báo cáo khoa học; tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài cơ sở đào tạo.

b) Trong quá trình học tập, nghiên cứu sinh dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn tại cơ sở đào tạo theo sự phân công của đơn vị chuyên môn;

4. Được tiếp cận các nguồn tài liệu, sử dụng thư viện, các trang thiết bị thí nghiệm phục vụ cho học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện luận án.

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định. Nghiên cứu sinh phải hoàn thành nghĩa vụ đóng góp kinh phí đào tạo theo quy định của Viện.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền của đơn vị chuyên môn (Bộ môn, Trung tâm nghiên cứu và Phân Viện)

1. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.

2. Quản lý nghiên cứu sinh trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học tại đơn vị chuyên môn .

a) Hàng năm, đơn vị chuyên môn phối hợp với thầy hướng dẫn và Phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT tổ chức kiểm tra thực địa nơi nghiên cứu sinh đang tiến hành đề tài luận án ít nhất 1 lần trong năm.

b) Tổ chức cho nghiên cứu sinh báo cáo tiến độ học tập ít nhất 2 lần trong năm.

3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho nghiên cứu sinh.

4. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở đơn vị chuyên môn; xem xét thông qua hoặc không thông qua đề nghị đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng cấp Viện trên cơ sở quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 16 của Quy chế này.

5. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền của cơ sở đào tạo Viện Chăn nuôi

1. Xây dựng, ban hành và công bố công khai quy định chi tiết của Viện về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ theo các quy định của Quy chế này và các quy định liên quan.

2. Công bố công khai thông tin liên quan đến tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ trên trang thông tin điện tử của Viện (<http://vcn.org.vn>).

3. Tổ chức thực hiện tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ, đánh giá luận án của nghiên cứu sinh và quản lý quá trình đào tạo, cấp bằng tiến sĩ theo kế hoạch và các quy định hiện hành.

a) Xây dựng đề án tuyển sinh hàng năm của Viện và công khai trên trang web của cơ sở đào tạo.

b) Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định và theo quy định tại Chương II của Quy chế này.

c) Ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, giao đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, phân công người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh; quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh.

d) Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các chuyên ngành được phép đào tạo; hướng dẫn nghiên cứu sinh thủ tục, quy trình gửi bài cho các tạp chí trong nước và tạp chí nước ngoài.

e) Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt. Tạo điều kiện để nghiên cứu sinh được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học quốc tế ở nước ngoài.

f) Phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT phối hợp với đơn vị chuyên môn và thầy hướng dẫn tổ chức kiểm tra thực địa, đánh giá kết quả học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh và báo cáo Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét quyết định việc tiếp tục học tập với từng nghiên cứu sinh.

g) Tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo quy định của Quy chế.

4. Đảm bảo đủ các điều kiện về nhân lực và cơ sở vật chất cần thiết cho giảng viên, người hướng dẫn, nghiên cứu sinh và hội đồng đánh giá luận án (bao gồm cả nhiệm vụ sử dụng công cụ công nghệ thông tin để kiểm tra và rà soát việc sao chép luận án, chuyển kết quả cho Hội đồng đánh giá luận án cấp viện để Hội đồng xem xét, đánh giá, kết luận).

5. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học ở quy mô quốc gia và quốc tế, xuất bản thường kỳ Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi có phản biện của Viện.

6. Xây dựng chính sách cụ thể để thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển sinh và đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

7. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ.

8. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Sau mỗi đợt tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác tổ chức tuyển sinh, kết quả tuyển sinh và các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển theo mẫu quy định;

b) Tháng 12 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công tác đào tạo tiến sĩ, cấp bằng Tiến sĩ, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh năm sau theo mẫu quy định;

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh đã hoàn thiện hồ sơ quá trình đào tạo và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá bảo vệ luận án cấp Viện trong hai tháng vừa qua theo mẫu quy định.

d) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

Chương V

LUẬN ÁN, ĐÁNH GIÁ VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 15. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Đáp ứng quy định tại khoản 5, Điều 3 của Quy chế này và quy định của Thủ trưởng cơ sở đào tạo về khối lượng, hình thức, cách trình bày luận án, quy định trích dẫn và danh mục tài liệu tham khảo (theo mẫu quy định).

2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể:

a) Trích dẫn đầy đủ và chỉ rõ nguồn tham khảo các kết quả nghiên cứu của các tác giả khác (nếu có);

b) Trong trường hợp luận án sử dụng nội dung công trình khoa học của tập thể mà nghiên cứu sinh là đồng tác giả thì phải có văn bản đồng ý của các đồng tác giả khác cho phép nghiên cứu sinh được sử dụng kết quả của nhóm nghiên cứu;

c) Tuân thủ các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Điều 16. Đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn (Bộ môn, Trung tâm nghiên cứu và Phân Viện)

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn:

a) Đã hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ Tiến sĩ quy định tại các khoản 3, 4 Điều 3 của Quy chế này;

b) Đã công bố tối thiểu 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trong đó có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI-Scopus hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện;

c) Được tập thể hoặc người hướng dẫn nghiên cứu sinh đồng ý cho đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn.

2. Việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn là hình thức sinh hoạt khoa học được tổ chức 01 lần hoặc nhiều lần, cho đến khi luận án được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; các thành viên của đơn vị chuyên môn, nghiên cứu sinh và những người quan tâm có quyền tham gia (trừ trường hợp luận án bảo vệ theo chế độ mật).

3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết việc đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, quy trình và phương thức đánh giá, số lượng, tiêu chuẩn và nhiệm vụ của những nhà khoa học được mời nhận xét luận án; đáp ứng các quy định sau:

a) Số lượng nhà khoa học được mời nhận xét luận án tối thiểu là 5 người có

chức danh giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có sự tham gia của các nhà khoa học ở trong và ngoài Viện. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của nghiên cứu sinh; trong đó, phải có mặt những người có ý kiến chưa đồng ý đưa luận án ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Viện.

- Sau khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Trưởng phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT phối hợp với Thủ trưởng đơn vị chuyên môn xem xét đề nghị Thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

- Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai giới thiệu luận án và ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng là người có năng lực và chuyên môn phù hợp với chuyên ngành của luận án.

- Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 7 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng đọc luận án, viết nhận xét và gửi về cơ sở đào tạo trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án. Người giới thiệu luận án là người am hiểu lĩnh vực nghiên cứu của đề tài luận án, đọc và có bản nhận xét về dự thảo luận án của nghiên cứu sinh.

- Bản nhận xét giới thiệu luận án nêu rõ: Ý nghĩa khoa học của đề tài luận án; Sự hợp lý và độ tin cậy của các phương pháp nghiên cứu; Đánh giá các kết quả đạt được, nêu lên những đóng góp mới và giá trị của những đóng góp đó; Những ưu điểm và thiếu sót, những điểm cần bổ sung và sửa chữa; Nhận xét về chất lượng các bài báo khoa học đã được công bố của nghiên cứu sinh; Khẳng định các bài báo phản ánh các nội dung chủ yếu của luận án hay chưa; Kết luận của bản nhận xét cần nêu rõ nội dung và hình thức của luận án có đáp ứng yêu cầu một luận án tiến sĩ hay không và có đủ điều kiện để bảo vệ trước Hội đồng đánh giá

luận án cấp Viện hay chưa.

- Hội đồng không đủ điều kiện để tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- + Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- + Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- + Vắng mặt người giới thiệu luận án có ý kiến không tán thành luận án;
- + Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- + Vắng mặt nghiên cứu sinh;
- + Nghiên cứu sinh chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính với cơ sở đào tạo.

- Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở giới thiệu và thông qua danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của nghiên cứu sinh và trình Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định, đảm bảo luận án được phổ biến đến tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề trong luận án.

- Việc đánh giá luận án cấp cơ sở tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của nghiên cứu sinh.

- Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp cơ sở:

+ Đại diện cơ sở đào tạo tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở của Thủ trưởng cơ sở đào tạo;

+ Chủ tịch Hội đồng điều khiển buổi họp, công bố số lượng thành viên của Hội đồng và các điều kiện để được tiến hành đánh giá luận án;

+ Nghiên cứu sinh trình bày nội dung luận án (không hạn chế thời gian);

+ Hai người giới thiệu luận án đọc nhận xét;

+ Các thành viên hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi hoặc phát

biểu ý kiến về những kết quả đã đạt được, những điểm mới của luận án, những vấn đề chưa giải quyết được, những điểm cần bổ sung hoặc sửa chữa;

+ Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi và các ý kiến trao đổi;

+ Hội đồng họp riêng. Từng thành viên hội đồng ghi ý kiến nhận xét vào phiếu nhận xét (theo mẫu) và phải ghi rõ tán thành hay chưa tán thành để luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Dựa vào nhận xét của các thành viên, Hội đồng thảo luận để thông qua kết luận của Hội đồng;

+ Chủ tịch Hội đồng công bố kết luận của Hội đồng.

- Kết luận của Hội đồng cần khẳng định:

+ Tên đề tài luận án có phù hợp với nội dung và mã số chuyên ngành.

+ Có trùng lặp về đề tài và nội dung với các luận án đã bảo vệ hay không.

+ Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.

+ Những kết quả mới đã đạt được.

+ Những thiếu sót của luận án, vấn đề cần bổ sung, sửa chữa.

+ Mức độ đáp ứng yêu cầu của luận án tiến sĩ về cả nội dung và hình thức theo Quy chế.

+ Kết luận: đề nghị Viện cho phép nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện hay chưa.

- Biên bản buổi đánh giá luận án ghi rõ:

+ Thành viên hội đồng có mặt (họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc, trách nhiệm trong Hội đồng).

+ Khách tham dự (họ tên, học vị, chức danh khoa học, chuyên ngành, nơi làm việc).

+ Chi tiết diễn biến buổi bảo vệ, các ý kiến trao đổi, phát biểu của thành viên hội đồng và khách mời (ghi rõ họ tên, học vị, chức danh khoa học của người hỏi) và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi.

+ Đề nghị về việc điều chỉnh tên đề tài hoặc đổi mã số nếu cần thiết. Trên cơ sở đó Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét ra quyết định.

- Chậm nhất là 3 tháng sau ngày đánh giá luận án cấp cơ sở (Bộ môn, Trung tâm và Phân Viện) nghiên cứu sinh phải hoàn chỉnh luận án và hồ sơ nộp cơ sở đào tạo. Trường hợp quá 3 tháng nghiên cứu sinh chưa hoàn chỉnh luận án và hồ sơ phải có lý do hợp lý và được Thủ trưởng cơ sở đào tạo chấp thuận.

b) Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá cấp Viện khi có tối thiểu ba phần tư số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

c) Sau khi luận án được hội đồng chuyên môn thông qua, nghiên cứu sinh phải làm báo cáo giải trình về việc hoàn thiện luận án theo các ý kiến của hội đồng. Bản giải trình phải được thầy chủ tịch hội đồng, thầy hướng dẫn, Phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT xác nhận.

Điều 17. Phản biện độc lập luận án

1. Luận án của nghiên cứu sinh được gửi lấy ý kiến của 02 phản biện độc lập trước khi được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

2. Phản biện độc lập là những nhà khoa học, chuyên gia ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài; có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học và chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu của luận án; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ nghiên cứu sinh và người hướng dẫn trong quá trình hoàn thiện luận án.

3. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của cơ sở đào tạo. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

4. Tiêu chuẩn đối với phản biện độc lập; trình tự, quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập; yêu cầu về trách nhiệm bảo mật đối với

cán bộ, công chức, người phản biện và đối với thông tin, tài liệu liên quan đến phản biện độc lập theo quy định hiện hành và cụ thể như sau:

a) Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, Thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét quyết định danh sách hai nhà khoa học sẽ làm phản biện độc lập cho luận án. Phản biện độc lập là những nhà khoa học có trình độ chuyên môn vững vàng; có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao; có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Thủ trưởng cơ sở đào tạo trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện.

b) Phản biện độc lập có nhiệm vụ đọc kỹ luận án, bài báo, công trình khoa học đã công bố của nghiên cứu sinh và có ý kiến đánh giá về giá trị khoa học, những đóng góp của luận án cho lĩnh vực khoa học chuyên ngành; những điểm đúng, sai của luận án; sự phù hợp của đề tài luận án với mã số chuyên ngành; sự không trùng lặp của đề tài, số liệu, kết quả nghiên cứu, kết luận của luận án; tính trung thực, rõ ràng trong trích dẫn; sự phản ánh kết quả luận án trong những công trình đã công bố; nhận định về chất lượng công trình và tạp chí đăng bài cho nghiên cứu sinh; những yêu cầu đòi hỏi nghiên cứu sinh phải bổ sung, hoàn chỉnh luận án. Để kết luận, phản biện độc lập cho ý kiến đồng ý hay chưa đồng ý để luận án được bảo vệ cấp Viện.

c) Trường hợp cả 2 phản biện độc lập đánh giá luận án chưa đạt yêu cầu, luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở. Nếu 1 trong 2 phản biện độc lập đánh giá luận án chưa đạt yêu cầu, Viện sẽ gửi luận án xin ý kiến của phản biện thứ 3. Nếu phản biện độc lập thứ 3 tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ cấp Viện. Nếu người phản biện thứ 3 vẫn không đồng ý thì luận án được trả lại để chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp cơ sở. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau 6 tháng và muộn nhất là 2 năm kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi bổ sung, sửa chữa được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lại từ đầu.

d) Khi được hai phản biện độc lập tán thành luận án, Viện sẽ gửi các bản

nhận xét của phản biện độc lập (đã xóa tên) về cơ sở quản lý chuyên môn để nghiên cứu sinh nghiên cứu, tiếp thu sửa chữa hoặc bảo lưu quan điểm của mình. Trong thời gian không quá 1 tháng kể từ ngày nhận được nhận xét của phản biện độc lập, nghiên cứu sinh phải hoàn chỉnh luận án và gửi 1 bản luận án đóng bìa cứng, 3 bản tóm tắt luận án và bản giải trình của nghiên cứu sinh về Phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT. Bản giải trình phải có ý kiến của người hướng dẫn. Thủ trưởng cơ sở đào tạo sẽ ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh.

đ) Thời gian xử lý hồ sơ và xin ý kiến phản biện độc lập không ít hơn 4 tuần và không quá 16 tuần kể từ ngày Viện nhận được hồ sơ.

Điều 18. Điều kiện và hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

a) Luận án của nghiên cứu sinh được đơn vị chuyên môn đề nghị được đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

b) Luận án của nghiên cứu sinh được các phản biện độc lập quy định tại Điều 17 của Quy chế này tán thành;

c) Nghiên cứu sinh không trong thời gian thi hành án hình sự, kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

2. Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện :

a) Toàn văn luận án;

b) Tóm tắt luận án;

c) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài theo quy định của cơ sở đào tạo.

d) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả qui định tại điểm b, khoản 2 Điều 15 Quy chế này (nếu có);

đ) Văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

e) Bảng điểm các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

g) Quyết định công nhận nghiên cứu sinh và minh chứng những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

h) Bản nhận xét của 02 phản biện độc lập;

i) Những tài liệu khác theo quy định của cơ sở đào tạo.

3. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu theo quy định tại điểm a, b, c, d, khoản 2 Điều này; các tài liệu còn lại do cơ sở đào tạo tập hợp.

Điều 19. Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện

1. Thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và quy định chi tiết về tiêu chuẩn và nhiệm vụ đối với từng thành viên trong Hội đồng theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều này.

2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài;

b) Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

c) Có công trình nghiên cứu, có uy tín và kinh nghiệm hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, trong đó người phản biện phải có tối thiểu 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện hoặc trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện.

3. Số lượng thành viên Hội đồng:

a) Hội đồng gồm 07 thành viên; trong đó: số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư tối thiểu là 05 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tối đa không quá 03 người; số thành viên là cán bộ của cơ sở đào tạo tối đa không quá 03 người;

b) Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định số lượng giáo sư, phó giáo sư, số lượng thành viên là cán bộ của cơ sở đào tạo trong trường hợp tổ chức đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh các ngành đang triển khai đào tạo thí điểm tại cơ sở.

4. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 03 phản biện và các uỷ viên; chủ tịch Hội đồng phải là giáo sư hoặc phó giáo sư ngành phù hợp với đề tài luận án của nghiên cứu sinh; các phản biện không được là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; đại diện tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể được mời tham gia Hội đồng với tư cách là uỷ viên.

5. Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh chị em ruột của nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

Điều 20. Đánh giá luận án ở cấp Viện

1. Thời hạn, điều kiện, trình tự, thủ tục tổ chức buổi đánh giá luận án ở cấp Viện đảm bảo những quy định sau:

a) Luận án phải được đánh giá công khai trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 21 của Quy chế này;

b) Thời gian, địa điểm tổ chức đánh giá luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo chậm nhất 20 ngày trước ngày bảo vệ trừ những luận án được phép đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 21 của Quy chế này;

c) Không tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trong trường hợp chủ tịch hoặc thư ký hoặc có từ 02 thành viên Hội đồng trở lên vắng mặt;

d) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), luận án không được thông qua nếu có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi bảo vệ trở lên bỏ phiếu không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành;

đ) Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc không thông qua luận án và lý do hoặc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có), kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh;

e) Biên bản buổi đánh giá luận án cấp Viện được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng.

f) Đánh giá luận án cấp Viện được tiến hành trong vòng 3 tháng kể từ khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải tán. Sau thời gian này, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu được 3 nhà khoa học độc lập đánh giá vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học và được người hướng dẫn đồng ý. Viện trưởng quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ cấp Viện.

g) Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, nghiên cứu sinh đóng quyển luận án, in tóm tắt luận án có ghi đầy đủ họ tên, học vị của những người phản biện vào bìa 2 tóm tắt luận án và nộp cho cơ sở đào tạo. Phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT có trách nhiệm gửi luận án và tóm tắt luận án tới các phản biện và các thành viên hội đồng, gửi tóm tắt luận án theo danh sách đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua trước ngày bảo vệ ít nhất 30 ngày để lấy ý kiến nhận xét.

h) Sau khi xem xét, xác định đủ các điều kiện để nghiên cứu sinh được bảo vệ, Chủ tịch hội đồng thống nhất thời gian của buổi bảo vệ với các thành viên trong Hội đồng. Phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT đăng tin về: đề tài luận án, chuyên ngành, mã số, họ tên nghiên cứu sinh, thời gian và địa điểm bảo vệ trên

báo hàng ngày của Trung ương hoặc địa phương trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày. Đồng thời bản tin này cũng phải được niêm yết công khai tại cơ sở đào tạo và thông báo cho Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biết.

i) Phòng Khoa học, Đào tạo và HTQT chuẩn bị hồ sơ cho buổi bảo vệ:

- Các loại hồ sơ của nghiên cứu sinh mỗi loại một bản, trong đó luận án và tóm tắt luận án là bản chính thức đã điền đầy đủ thông tin tên nghiên cứu sinh, người hướng dẫn, cơ sở đào tạo, tên các phản biện và ngày bảo vệ trên bìa 2 tóm tắt luận án.

- Bản tổng hợp các nhận xét luận án của các thành viên (không là phản biện) của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và các nhận xét tóm tắt luận án của các cơ quan và các nhà khoa học gửi đến Hội đồng.

- Mẫu biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá đã điền đầy đủ các chỗ trống.

- Dự thảo quyết nghị của Hội đồng.

j) Điều kiện để được đăng báo về buổi bảo vệ luận án cấp Viện:

- Có đủ ba bản nhận xét của ba người phản biện và các bản nhận xét của các thành viên hội đồng.

- Có ít nhất 15 bản nhận xét tóm tắt luận án của những nhà khoa học có học vị tiến sĩ trở lên hoặc có chức danh khoa học từ các cơ quan khác nhau gửi đến cơ sở đào tạo.

2. Trong trường hợp cần thiết (vì lý do khách quan hoặc do có thành viên đề nghị không tham gia Hội đồng), Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và thời hạn liên quan đến hoạt động của Hội đồng được tính từ ngày quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên có hiệu lực.

3. Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp Viện:

a) Đại diện cơ sở đào tạo tuyên bố lý do, đọc quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

b) Đại diện lãnh đạo Viện phát biểu

c) Chủ tịch hội đồng điều khiển buổi họp đánh giá luận án, công bố số lượng thành viên của Hội đồng và các điều kiện để được tiến hành đánh giá luận án (nhận đủ số lượng bản nhận xét của Hội đồng, đủ số lượng nhận xét tóm tắt, đăng báo về buổi bảo vệ...), công bố chương trình làm việc của Hội đồng.

d) Thư ký Hội đồng đọc lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh và các điều kiện cần thiết để nghiên cứu sinh được bảo vệ cấp Viện.

đ) Nghiên cứu sinh trình bày nội dung luận án (thời gian trình bày của nghiên cứu sinh không quá 30 phút).

e) Các phản biện đọc nhận xét luận án.

f) Thư ký Hội đồng đọc bản tổng hợp ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng không phải là phản biện và của các nhà khoa học, cơ quan đọc tóm tắt luận án.

g) Các thành viên Hội đồng và những người tham dự đặt câu hỏi để kiểm tra kiến thức và trình độ của nghiên cứu sinh.

h) Nghiên cứu sinh trả lời các câu hỏi và các ý kiến trao đổi.

i) Đại diện tập thể hướng dẫn phát biểu bằng văn bản về chất lượng luận án, tinh thần thái độ và kết quả học tập của nghiên cứu sinh.

j) Hội đồng họp riêng.

- Hội đồng thảo luận những kết luận về luận án, nghị quyết của phiên đánh giá luận án (có tham khảo ý kiến đánh giá luận án của các phản biện độc lập).

- Hội đồng bầu ban kiểm phiếu (gồm 3 người, 1 trưởng ban, 2 ủy viên) và bỏ phiếu đánh giá luận án. Trưởng ban kiểm phiếu thông qua biên bản kiểm phiếu đánh giá luận án. Chủ tịch Hội đồng không là thành viên Ban kiểm phiếu.

- Hội đồng thông qua Quyết nghị của phiên họp.

k) Hội đồng tiếp tục làm việc.

- Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án.

- Chủ tịch Hội đồng đọc Quyết nghị của Hội đồng

l) Nghiên cứu sinh và đại diện cơ quan nghiên cứu sinh đang công tác phát biểu.

m) Lãnh đạo Viện phát biểu bế mạc.

n) Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa. Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh để lưu tại Viện và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện của Viện Chăn nuôi.

Điều 21. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì Thủ trưởng cơ sở đào tạo phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo căn cứ xác định tính chất mật của đề tài và phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản.

2. Thủ trưởng cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm về các quy định bảo mật trong quá trình tổ chức đào tạo, nghiên cứu, thực hiện luận án, tổ chức đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

3. Nghiên cứu sinh thực hiện các luận án được xác định là mật quy định tại khoản 1 Điều này không phải thực hiện quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 16 và điểm b, khoản 1 Điều 20 của Quy chế này.

4. Ngoài quy định tại khoản 3 Điều này, nghiên cứu sinh thực hiện luận án theo chế độ mật phải đảm bảo tất cả các quy định khác của Quy chế này.

Điều 22. Đánh giá lại luận án ở cấp Viện

1. Trong trường hợp luận án của nghiên cứu sinh không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua ở lần đánh giá thứ nhất, nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị được bảo vệ luận án lần thứ hai.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện lần thứ hai phải có tối thiểu 05 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất nhưng không được vắng mặt thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án.

3. Quá thời hạn 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ. Các quy định chi tiết thủ tục và trình tự tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ lại luận án tiến hành như lần đầu.

4. Không tổ chức đánh giá lại luận án lần thứ ba.

Chương VI

THẨM ĐỊNH QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 23. Thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

Việc thẩm định quá trình đào tạo, chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Thẩm định ngẫu nhiên tối đa 20% hồ sơ quá trình đào tạo, chất lượng luận án đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua trong báo cáo của cơ sở đào tạo quy định tại điểm c, khoản 8 Điều 14 Quy chế này.

2. Thẩm định khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

Điều 24. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

a) Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh có đầy đủ minh chứng về điều kiện dự tuyển tại Điều 6 của Quy chế này;

b) Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 18 của Quy chế này;

c) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 28 của Quy chế này;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

a) Luận án tiến sĩ đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

b) Tóm tắt luận án đã xoá thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và cơ sở đào tạo;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của nghiên cứu sinh theo quy định;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

Điều 25. Quy trình thẩm định quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ sở đào tạo quy định tại điểm c, khoản 8 Điều 14 của Quy chế này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần thẩm định của cơ sở đào tạo và nội dung yêu cầu thẩm định cụ thể.

2. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ của cơ sở đào tạo theo quy định tại Điều 24 của Quy chế này, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ tiến hành thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

3. Quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi hồ sơ thẩm định đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án của Quy chế này.

4. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến đánh giá của 03 nhà khoa học có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có kinh nghiệm chuyên môn, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

a) Luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu tối thiểu hai trong ba ý kiến thẩm định luận án tán thành;

b) Trong trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định qui định tại điểm a khoản này hoặc có đơn thư tố cáo về nội dung và chất lượng luận án thì Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, uỷ quyền Thủ trưởng cơ sở đào tạo nghiên cứu sinh tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 26. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 04 thành viên chưa tham gia đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn, chưa là phản biện độc lập hoặc chưa là thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện; có các nhà khoa học tham gia thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Quy chế này.

2. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện quy định tại khoản 2 Điều 19 Quy chế này.

3. Hội đồng thẩm định luận án có chủ tịch, thư ký và các ủy viên.

4. Hội đồng chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có).

5. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: xem xét, đánh giá và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án hoặc làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo.

6. Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng có mặt trở lên không tán thành.

7. Trong trường hợp luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua, Thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có sự tham dự của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 12 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

Điều 27. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 25 Quy chế này hoặc được Hội đồng thẩm định thông qua nhưng yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung, Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cùng với người hướng

dẫn và nghiên cứu sinh xem xét, quyết định các điểm cần sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của người thẩm định hoặc Hội đồng thẩm định.

2. Đối với luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua:

a) Trong trường hợp nghiên cứu sinh chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được phép sửa đổi, bổ sung và đề nghị đánh giá lại luận án theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này;

b) Trong trường hợp nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ thì cơ sở đào tạo xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Quy chế này.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng cơ sở đào tạo bổ sung hoàn thiện hồ sơ và giải trình.

4. Trong thời gian tối đa 02 tháng (60 ngày) kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Thủ trưởng cơ sở đào tạo có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này với các minh chứng kèm theo.

Điều 28. Cấp bằng tiến sĩ

1. Điều kiện để nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ:

a) Luận án của nghiên cứu sinh đã được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua đủ 03 tháng (90 ngày);

b) Nghiên cứu sinh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung luận án theo quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Viện và được người hướng dẫn, đơn vị quản lý đào tạo, chủ tịch Hội đồng xác nhận (nếu có);

c) Nếu là trường hợp cần thẩm định theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 1 Điều 25 thì kết quả thẩm định phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 3 và điểm a, khoản 4 Điều 25 và khoản 1 Điều 27 của Quy chế này; hoặc chưa nhận được kết quả thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo khi đã hết thời hạn thẩm định quy định tại khoản 2 Điều 25 của Quy chế này;

d) Đã đăng trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo và nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản in và file pdf) toàn văn luận án và tóm tắt luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của nghiên cứu sinh, chữ ký của người hướng dẫn và xác nhận của Thủ trưởng cơ sở đào tạo sau khi đã bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và Hội đồng thẩm định (nếu có).

2. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh gồm:

a) Biên bản của buổi đánh giá luận án ở cấp Viện;

b) Quyết nghị của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có mặt tại buổi đánh giá;

d) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn hoặc tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;

đ) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện có mặt tại buổi đánh giá luận án của nghiên cứu sinh;

e) Giấy biên nhận đã nộp luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

g) Minh chứng công bố công khai ngày đánh giá luận án trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật quy định tại Điều 21 Quy chế này. Cụ thể là tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ; bản in trang thông tin Những đóng góp mới về mặt khoa học, lý luận của luận án trên trang Web của Viện.

3. Cơ sở đào tạo tập hợp hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ và tiến hành thủ tục cấp bằng cho nghiên cứu sinh khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy các đủ điều kiện qui định tại khoản 1 Điều này và lưu trữ hồ sơ cấp bằng theo quy định.

4. Thủ trưởng cơ sở đào tạo có trách nhiệm tổ chức kiểm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ Hội đồng Khoa học và Đào tạo

của cơ sở đào tạo để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được xét cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương VII

KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Khiếu nại, tố cáo

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và nghiên cứu sinh có quyền khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo.

Điều 30. Thanh tra, kiểm tra

a) Viện tiến hành kiểm tra công tác đào tạo tiến sĩ của các đơn vị chuyên môn theo các quy định của Viện và của pháp luật.

b) Nội dung kiểm tra bao gồm công tác tổ chức thực hiện đề tài luận án và quản lý nghiên cứu sinh trong thời gian đào tạo; tiến độ thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh, trách nhiệm của cơ sở quản lý trực tiếp nghiên cứu sinh. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Viện thông báo bằng văn bản cho đơn vị chuyên môn.

Điều 31. Xử lý vi phạm

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Viện có văn bản xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng tiến sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn đảm bảo điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận nghiên cứu sinh;

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án mà nếu cắt bỏ những nội dung đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 15 của Quy chế này;

c) Luận án không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại khoản 7 Điều 26 Quy chế này.

3. Trong trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận án vi phạm tại điểm b, khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do Thủ trưởng cơ sở đào tạo thành lập theo quy định tại Điều 26 của Quy chế này.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 32. Quy định chuyên tiếp

1. Đối với các khoá tuyển sinh đã có quyết định công nhận nghiên cứu sinh trước thời điểm Thông tư 08/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 có hiệu lực thi hành, cơ sở đào tạo thực hiện theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ thời điểm Thông tư 08/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2018, quy định về tiêu chuẩn người hướng dẫn nghiên cứu sinh tại điểm d, khoản 1 Điều 11 và quy định về điều kiện nghiên cứu sinh được đăng ký đánh giá luận án ở đơn vị chuyên môn tại điểm b, khoản 1 Điều 16 của Quy chế này được thực hiện như sau:

a) Người hướng dẫn là tác giả chính tối thiểu 01 báo cáo hoặc công trình khoa học đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc ít nhất một chương sách tham khảo có mã số chuẩn quốc tế ISBN do các nhà xuất bản nước ngoài

phát hành hoặc 01 bài báo đăng trong tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

b) Nghiên cứu sinh phải công bố nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án trong tối thiểu 02 bài báo hoặc báo cáo, trong đó có 01 báo cáo đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài có phản biện.

3. Đối với các khóa tuyển sinh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 trở đi, người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm d, khoản 1 Điều 11 và nghiên cứu sinh phải thực hiện quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 16 của Quy chế này.

VIỆN TRƯỞNG



Phạm Công Thiếu